



**Trung tâm Tin học và  
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển  
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược  
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

## **THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 10/2020**

**1**

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 10 năm 2020 ước đạt 3,75 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2020 đạt 33,56 tỷ USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 15,07 tỷ USD, giảm 1,6%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 256 triệu USD, giảm 21,4%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 6,88 tỷ USD, giảm 2,5%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 10,31 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 10 năm 2020 đạt 2,72 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2020 đạt 25,59 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 20,3 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2019.

### **DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC**

#### **1. Lúa gạo:**

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 10/2020 ước đạt 300 nghìn tấn với giá trị đạt 161 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 10 tháng đầu năm 2020 đạt 5,29 triệu tấn và 2,61 tỷ USD, giảm 4% về khối lượng nhưng tăng 8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 9 tháng đầu năm, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 34,5% thị phần, đạt 1,81 triệu tấn và 843,48 triệu USD, giảm 3,9% về khối lượng nhưng tăng 9,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Indonesia (gấp 3,2 lần đạt 75,9 nghìn tấn và 41,8 triệu USD) và Trung Quốc (tăng 75,4% đạt 576,6 nghìn tấn và 338,3 triệu USD). Thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm

mạnh nhất là Iraq (giảm 65,6% đạt 90,0 nghìn tấn và 47,8 triệu USD). Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2020 đạt 490,6 USD/tấn, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 9 tháng năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 41,7% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 36,8%; gạo nếp chiếm 17,2%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,1%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 54,6%), Malaysia (chiếm 13,1%) và Cuba (chiếm 9,1%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (chiếm 28,8%), Ghana (chiếm 18,9%) và Bờ Biển Ngà (chiếm 14,3%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 71,1%), Indonesia (chiếm 8,0%), và Philippin (chiếm 7,5%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (chiếm 19,0%), Đảo quốc Solomon (chiếm 16,2%), và Trung Quốc (chiếm 7,2%).

Trong một tháng trở lại đây, giá gạo 5% tấm của Việt Nam có xu hướng tăng từ mức khoảng 470 USD/tấn vào đầu tháng lên khoảng 490 USD/tấn vào cuối tháng. Mưa nhiều gây ngập lụt ở ĐBSCL đã khiến cho tiến độ thu hoạch vụ Thu Đông bị trì hoãn, nguồn cung thu hẹp khiến cho mức giá tăng. Trong khi đó, giá gạo 5% tấm của Thái Lan có xu hướng giảm mạnh từ 475 USD/tấn vào đầu tháng xuống 438 USD/tấn vào cuối tháng, do đồng Baht trượt giá và nhu cầu thị trường đối với gạo Thái Lan hiện không cao. Giá gạo Ấn Độ giảm nhẹ từ 379 USD/tấn xuống 375 USD/tấn. Nguyên nhân chính là do đồng Rupee giảm giá.

Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL trong tháng 10/2020 diễn biến tăng, giảm trái chiều so với cuối tháng 9/2020. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 400 đ/kg lên 6.000 đ/kg; lúa OM 2514 tăng 100 đ/kg lên 5.900 đ/kg; lúa gạo thường ở mức 10.500 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 400 đ/kg lên 6.800 – 6.900 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 300 đ/kg lên mức 6.900 – 7.200 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 300 đ/kg lên mức 7.000 – 7.300 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 giảm 200 đồng/kg xuống 5.300 đ/kg; lúa khô tăng 200 đ/kg lên 6.000 đ/kg; lúa hạt dài ướt ở mức 5.600 đ/kg, lúa khô ổn định ở mức 6.200 đ/kg. Giá lúa Thu Đông tại Vĩnh Long giảm là do thời tiết mưa nhiều đã làm ảnh hưởng năng suất và chất lượng lúa. Tại Bạc Liêu, thu hoạch lúa Hè Thu đã kết thúc.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Dự báo của USDA tháng 10/2020, thương mại toàn cầu dự kiến sẽ tăng xuất khẩu đối với Ấn Độ, Miến Điện, trong khi giảm mạnh với Thái Lan. Nhu cầu nhập khẩu mạnh hơn từ Cote d'Ivoire và Senegal, trong khi giảm tại Philippines. (2) Lũ lụt ở một số tỉnh trồng lúa của Thái Lan có thể ảnh hưởng đến nguồn cung mới dự kiến trong thời gian tới. (3) Dự kiến tháng 11 và thời gian tới giá gạo có thể giảm nhẹ do thời tiết tốt hơn, nguồn gạo Thu Đông về đều trong tháng 11 và kéo dài đến hết tháng 12, đầu tháng 1/2021. Tuy nhiên nguồn cung vụ Thu Đông được

đánh giá không nhiều là yếu tố giúp giá gạo giữ ở mức trong các tháng 11 và 12 trước khi có nguồn mới từ vụ Đông Xuân 2020/2021.

## 2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 10/2020 ước đạt 230 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 10 tháng đầu năm 2020 đạt gần 2,72 tỷ USD, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020 với 57,5% thị phần, với giá trị xuất khẩu đạt 1,43 tỷ USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2020, hầu hết các thị trường khó tính như Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ, Nhật Bản đều có giá trị xuất khẩu tăng; trong khi đó xuất khẩu giảm đối với ba thị trường Trung Quốc, Hồng Kông và Hà Lan với mức giảm lần lượt là 25,9%, 2% và 3,7%. Giá trị xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2020 giảm do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 36,4% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 906,7 triệu USD, giảm 7,2%; chuối đạt 138,2 triệu USD (chiếm 5,5%, giảm 11,7%); chanh đạt 108,6 triệu USD (chiếm 4,4%, giảm 2,4%); sầu riêng đạt 94,6 triệu USD (chiếm 3,8%, giảm 56,2%); ...

3

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 10/2020 ước đạt 104 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,04 tỷ USD, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ôxtrâyliia là ba thị trường chính cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam, với giá trị nhập khẩu lần lượt là 240,9 triệu USD (chiếm 25,7% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 31,5% so với cùng kỳ năm trước); 221,3 triệu USD (chiếm 23,6%, tăng 4,5%) và 84,6 triệu USD (chiếm 9%, tăng 2,6%).

Tại thị trường trong nước, mưa bão khiến giá rau biến động tăng tại khu vực miền Trung; cụ thể: tại TP Đà Nẵng, giá mỗi loại tăng từ 5.000 - 10.000 đ/kg; đậu cove và khổ qua là 30.000 đ/kg (tăng 10.000 đ/kg), cà rốt là 25.000 đ/kg; dưa leo 20.000 đ/kg; thơm 17.000 đ/kg (tăng 9.000 đ/kg)... Tương tự tại Quảng Ngãi, giá các loại rau xanh phổ biến như mồng tơi, rau má, mã đề, dưa leo... có giá từ 35.000 - 40.000 đ/kg; xà lách 45.000 - 50.000 đ/kg; các loại rau thơm có giá từ 50.000 - 60.000 đồng/kg... Tại các tỉnh phía Nam, nguồn cung rau tại các tỉnh như Lâm Đồng, Đắk Lắk giảm đẩy giá rau củ tăng so với tháng trước. Ngược lại, nhờ nguồn cung ổn định mà giá rau tại các tỉnh phía Bắc ít biến động.

Trong khi đó, giá trái cây ổn định hơn do nguồn cung dồi dào nên giá không có biến động mạnh, một số loại tăng nhẹ do vào cuối vụ thuận như thanh long, dưa hấu; một số loại khác vào chính vụ nên giá ở mức thấp hơn như bưởi, cam. Cụ thể: thanh long vào cuối vụ thuận, nguồn cung thu hẹp nên giá tăng nhẹ; giá dưa tương đối ổn định hơn so với tháng trước; giá nhãn nghịch mùa và cuối vụ tại tỉnh Đồng Tháp tăng từ 8.000 - 10.000 đồng/kg so với thời điểm tháng 7 và tháng 9/2020, đạt mức giá tại vườn là

30.000 - 32.000 đồng/kg đối với nhãn Edoor và xương com vàng, nhãn tiêu da bò giá từ 15.000 - 20.000 đồng/kg. Giá nhãn tăng là do đang vào cuối vụ thu hoạch, nguồn cung hạn chế, nhu cầu tiêu thụ nhãn tại thị trường trong nước và xuất khẩu đang có dấu hiệu tăng trở lại.

**Một số nhận định và dự báo:** Thị trường rau quả tại Trung Quốc trong tháng qua tăng đáng kể do nhu cầu tăng phục vụ ngày lễ Trung Thu, Quốc khánh trong khi nguồn cung một số loại rau, trái cây bị giảm do ảnh hưởng của đợt lũ lớn tại tỉnh Hồ Bắc. Nhìn chung, những tháng cuối năm 2020, triển vọng xuất khẩu rau quả dự báo sẽ khả quan do nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc tăng và tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU trở nên rõ rệt.

### 3. Sắn

Trong tháng 10 năm 2020, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn ước đạt 215 nghìn tấn, tương đương 80 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 2,14 triệu tấn với giá trị 758 triệu USD; tăng 12,3% về khối lượng và 1,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn bình quân 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 353,8 USD/tấn, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong 9 tháng đầu năm 2020 khi chiếm 90,6% trong thị phần xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn của Việt Nam. Cụ thể, tổng sản lượng xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sang Trung Quốc 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1,75 triệu tấn, tương đương với 614 triệu USD, tăng 13,5% về sản lượng và tăng 1,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đài Loan, Malaysia cũng là 2 thị trường tăng trưởng mạnh nhập khẩu sắn và sản phẩm sắn của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020, với mức tăng trưởng về giá trị xuất khẩu lần lượt là 29,2% và 15,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu sắn lát sang Trung Quốc bình quân tháng 9 đạt 228 USD/tấn tăng 4% so với tháng 8 năm 2020, nhưng giảm 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu sản phẩm: (i) Mặt hàng sắn lát, xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh ước đạt 547 nghìn tấn, tương đương 126 triệu USD, tăng 104% về lượng và 117% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này đạt được là nhờ Trung Quốc thu mua một lượng lớn sắn lát của Việt Nam trong nửa đầu năm 2020 để phục vụ cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất ethanol. Giá xuất khẩu sắn lát bình quân 10 tháng ở mức 230 USD/tấn, tăng 7% so với mức giá 216 USD/tấn của cùng kỳ năm trước. (ii) Mặt hàng tinh bột sắn, xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,59 triệu tấn với giá trị 632 triệu USD, giảm 3% về lượng và giảm 8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sắn đạt 396 USD/tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

Tại thị trường trong nước, giá sắn củ tươi vụ mới tính đến ngày 20/10 khu vực Tây Ninh/Bình Phước tăng nhẹ, giao động ở mức 2.670 – 2.700 đồng/kg do lượng sắn

đưa về nhà máy giảm và tỷ giá CNY/VND tiếp tục tăng. Trong khi đó, nhiều nhà máy tại Tây Ninh và miền Trung cũng phải tạm ngừng hoạt động do thiếu nguyên liệu. Nguồn sản lát tồn kho vụ 2019-2020 của Việt Nam gần như cạn kiệt. Trong khi đó, mùa vụ 2020-2021 tại khu vực Tây Ninh tiếp tục gặp khó khăn do lượng sản từ Campuchia về ít hơn với giá cao hơn các năm trước. Điều này đã tạo áp lực lớn lên nguồn cung sản lát của Việt Nam.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Đối với sản tươi: mưa lớn kéo dài trên diện rộng ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng sản niên vụ 2020/2021 gây áp lực lên nguồn cung trong thời gian tới. Qua đó, giá sản tươi được nhận định là sẽ tăng trong thời gian tới, do sự cạnh tranh nguồn nguyên liệu giữa các nhà máy chế biến tinh bột sản và sản phối sản lát. (2) Đối với sản lát: giá thiết lập cho vụ mới được nhận định sẽ cao ngay từ đầu vụ, do nhu cầu mua hàng sản xuất cám tăng trong khi nguyên liệu thay thế để sản xuất cám như cám gạo, lúa mì tăng cao. (3) Đối với tinh bột sản: giao dịch tinh bột sản sẽ sôi động do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu tiêu thụ từ ngành thức ăn chăn nuôi và chế biến sâu tại Trung Quốc vẫn cao.

#### 4. Cà phê

5

Xuất khẩu cà phê tháng 10/2020 ước đạt 90 nghìn tấn với giá trị đạt 167 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,34 triệu tấn và 2,32 tỷ USD, giảm 1,3% về khối lượng và giảm 0,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm, Đức, Mỹ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 13% (đạt 280,8 triệu USD), 9,3% (đạt 199,6 triệu USD) và 8,3% (đạt 178,9 triệu USD). Các thị trường có giá trị xuất khẩu tăng là Ba Lan (tăng 44,2%, đạt 32,4 triệu USD), Nhật Bản (tăng 17,2%, đạt triệu 146,3 USD) và Hàn Quốc (tăng 9,8%, đạt 50,9 triệu USD), trong khi đó giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (giảm 32,3%, đạt triệu USD) và Thái Lan (giảm 16,1%, đạt 49,1 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1.740 USD/tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tháng 10/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.852 USD/tấn, giảm 1,8% so với tháng 9/2020 nhưng tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 10/2020, giá cà phê thế giới trên các sàn phái sinh biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 11/2020 thị trường London giảm 34 USD/tấn xuống còn 1.271 USD/tấn. Tuy nhiên, cuối tháng 10/2020, cơn bão số 9 (tên quốc tế Molave) được dự báo là cơn bão nguy hiểm trong năm 2020, đổ bộ trực tiếp vào vùng sản xuất cà phê trọng điểm của Việt Nam. Trong khi Việt Nam đang bước vào mùa thu hoạch, điều này sẽ đẩy giá cà phê Robusta tăng nhẹ trong thời gian tới. Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica giao ngay tháng 12/2020 giảm 1,5% xuống còn 2.344 USD/tấn, trong khi kỳ hạn giao tháng 3/2020 cũng giảm nhẹ 1,4% xuống còn



2.406 USD/tấn. Giá cà phê giảm do thị trường không như kỳ vọng vì gói tài trợ mới chưa được Quốc hội Mỹ thông qua, trong khi dự báo thời tiết diễn biến tốt tại khắp các bang trồng cà phê chính của Brazil. Ngoài ra, nguyên nhân chủ yếu của đà giảm giá vẫn do đồng Real Brazil tiếp tục sụt giảm, trở thành đồng nội tệ mất giá nhiều nhất trên thị trường tiền tệ thế giới. Theo đó, giá cả nông sản toàn cầu vẫn đứng ở mức thấp, đặc biệt là các mặt hàng chủ lực của Brazil như cà phê hay mía đường...

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng trong tháng qua. So với tháng 9/2020, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 500 – 600 đ/kg lên mức 31.800 – 32.600 đ/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Cà phê Robusta giá FOB tại cảng thành phố Hồ Chí Minh đạt mức cao nhất là 33.800 đồng/kg. Việt Nam chính thức bước vào mùa thu hoạch cà phê niên vụ 2020/21 vào cuối tháng 10/2020. Bất chấp các thông tin bất lợi về thị trường thế giới, giá cà phê tại Việt Nam đã phục hồi nhẹ. Dự kiến niên vụ này tình trạng khan hiếm nguồn cung sẽ giúp giá cà phê giữ được đà ổn định.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Giá cà phê trong nước thời gian tới được nhận định tiếp tục xu hướng tăng giá bởi diễn biến phức tạp của thời tiết ở Miền Trung và Tây Nguyên là nguyên nhân chính gây thu hẹp nguồn cung, cà phê chín muộn do mưa nhiều đẩy thời gian thu hoạch giãn xa hơn. (2) Diễn biến dịch Covid-19 tại các nước thế giới tiếp tục phức tạp, lệnh giãn cách xã hội ở các nước thúc đẩy nhu cầu sử dụng cà phê tại nhà là yếu tố trợ giá cho cà phê Việt trong ngắn hạn. (3) Dự báo của USDA về thị trường thế giới: sản lượng và xuất khẩu cà phê thế giới niên vụ 2020/21 dự kiến đạt mức cao kỷ lục do Brazil bước vào năm sản xuất chính; Sản lượng cà phê thế giới năm 2020/21 tăng 9,1 triệu bao so với năm trước, đạt mức kỷ lục 176,1 triệu bao, trong đó Brazil dự kiến chiếm phần lớn sản lượng khi vụ Arabica bước vào năm sản xuất chính của chu kỳ sản xuất hai năm 1 lần.

## 5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 10 năm 2020 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 22 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 10 tháng đầu năm 2020 đạt 111 nghìn tấn và 179 triệu USD, tăng 2,6% về khối lượng nhưng giảm 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2020 đạt 1.602 USD/tấn, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, khối lượng chè xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm do tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, đặc biệt là hai thị trường chính, bao gồm Pakistan và Đài Loan, với 48% thị phần. Cụ thể, tính chung 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu chè sang Pakistan chỉ đạt 29,3 nghìn tấn, tương đương 55,8 triệu USD, giảm 6% về khối lượng và giảm 11,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; Chè luôn là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Pakistan, tuy nhiên tỷ trọng nhập khẩu

chè từ Việt Nam vẫn còn quá thấp (Kenya là thị trường cung cấp chè lớn nhất cho Pakistan, chiếm 77,5% tổng lượng nhập khẩu của nước này, Việt Nam chỉ đứng thứ 4) so với nhu cầu nhập khẩu của thị trường này do Việt Nam chủ yếu xuất khẩu chè xanh, trong khi Pakistan lại có nhu cầu nhập khẩu rất lớn chè đen. Trong khi đó xuất khẩu sang Đài Loan đạt 12,6 nghìn tấn, tương đương 19,6 triệu USD, giảm 9,5% về khối lượng và giảm 9,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 10/2020 không có nhiều biến động. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành 9.800 đ/kg, chè hạt 7.500 đ/kg.

**Một số nhận định và dự báo:** Tại thị trường thế giới, giá chè tháng 10/2020 đã bắt đầu giảm giá ở các thị trường lớn. Cụ thể, giá chè tại phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại Chè Coonoor, Ấn Độ (CTTA) đã giảm 6 tuần liên tiếp khi những người mua nước ngoài có sự phản kháng đối với giá thầu do giá đã tăng rất nhiều kể từ đầu tháng 6/2020. Giá chè tại phiên đấu giá Mombasa cũng đã giảm khi khối lượng chào bán tăng trong bối cảnh nhu cầu trên thị trường thế giới giảm. Theo ITEA xuất khẩu chè của Ấn Độ dự kiến sẽ giảm từ mức 252 nghìn tấn trong năm 2019 xuống còn 180 đến 185 nghìn tấn trong năm 2020. Một trong những nguyên nhân xuất khẩu chè giảm do xuất khẩu chè truyền thống (OTD) sang Iran giảm, trong khi đó giá chè CTC nội địa ở Ấn Độ cao không thể cạnh tranh với chè của Kenya và các nước Châu Phi khác. Bên cạnh đó cước vận chuyển lại tăng mạnh do không có sẵn container vận chuyển do nhập khẩu giảm. Chi phí vận chuyển đã tăng tối thiểu 50% đã làm giảm khả năng cạnh tranh của chè Ấn Độ trên thị trường xuất khẩu.

## 6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 10 năm 2020 ước đạt 19 nghìn tấn với giá trị đạt 48 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu 10 tháng đầu năm 2020 đạt 239 nghìn tấn và 537 triệu USD, giảm 4,6% về khối lượng và giảm 15,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020 là Hoa Kỳ, Đức và Ấn Độ chiếm 31,3% thị phần tổng giá trị xuất khẩu tiêu. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất trong 9 tháng đầu năm 2020 là Mianma (tăng 24,4%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu giảm mạnh nhất là Ấn Độ (giảm 44,4%). Giá tiêu xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2020 đạt 2.222,9 USD/tấn, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 9, xuất khẩu tiêu sang Hoa Kỳ và EU đều giảm cả về giá trị và sản lượng. Cụ thể, tại Hoa Kỳ, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam chỉ đạt 4,2 nghìn tấn tương đương 10,7 triệu USD, giảm 7% về lượng và giá trị so với tháng 8 năm 2020. Nhưng so với cùng kỳ năm ngoái thì tăng 4% về lượng và 2% về giá trị. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang

Hoa Kỳ trong tháng 9 năm 2020 ước đạt 2.548 USD/tấn, giảm 0,3% so với tháng 8 năm 2020 và giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái. Với thị trường EU, xuất khẩu tháng 9 năm 2020 đạt 1,9 nghìn tấn tương đương 5,6 triệu USD, giảm 22% về lượng và 16% về giá trị so với tháng 8 năm 2020. Đây cũng là mức xuất khẩu tương đương với cùng kỳ năm ngoái. Kể từ khi EVFTA có hiệu lực xuất khẩu hồ tiêu sang EU đạt 1,5 nghìn tấn tương đương 4,6 triệu USD, tăng 11% về lượng và 21% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Trên thị trường thế giới, giá hồ tiêu đến giữa tháng 10 biến động không đồng nhất. Giá tiêu đen xuất khẩu của Ấn Độ tăng 0,6% so với hồi đầu tháng, lên mức 4.658 USD/tấn. Tại Malaysia, giá tiêu đen xuất khẩu ổn định ở mức 5.000 USD/tấn so với ngày 30/9/2020. Trong khi đó, giá tiêu đen xuất khẩu của Indonesia lại tăng 3,3% lên mức 2.486 USD/tấn so với ngày đầu tháng 10. Malaysia cũng đặt mục tiêu nâng giá hồ tiêu lên 10 ringgit/kg trong bối cảnh sản lượng tiêu của Malaysia dự kiến sẽ giảm 10% đến 20% trong năm 2020.

Tại thị trường hạt tiêu trong nước giá hạt tiêu đen biến động tăng trong tháng 10 năm 2020. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu tăng 3.500 đ/kg lên mức 54.500 đ/kg. Giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông tăng 3.500 đ/kg lên 53.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai tăng 4.000 đ/kg lên 52.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai tăng 4.000 đ/kg lên 52.500 đ/kg.

**Một số nhận định và dự báo:** Thị trường hồ tiêu dù chưa thể tăng bật trở lại nhưng cũng có dấu hiệu tích cực sau khi nhiều quốc gia gỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội, đặc biệt với thị trường nhập khẩu chính như Hoa Kỳ, Ấn Độ. Hơn nữa, Trung Quốc đẩy mạnh mua hồ tiêu sau thời gian nhập khẩu cầm chừng trong 3 tháng (tháng 6, 7, 8); đồng thời Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU đã và đang mở ra nhiều cơ hội khác cho ngành hồ tiêu.

## 7. Điều

Trong tháng 10/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 50 nghìn tấn với giá trị 297 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt 10 tháng đầu năm 2020 đạt 415 nghìn tấn và 2,61 tỷ USD, tăng 11,5% về khối lượng nhưng giảm 3,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm, chiếm thị phần lần lượt là 33,5%, 13% và 12,7% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật Bản tăng 68,9%, ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Nga giảm 33,9%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2020 đạt 6.332 USD/tấn, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2019. Nửa cuối tháng 9, đầu tháng 10, giá hạt điều W320 của Việt Nam tăng do nhu cầu mua tăng và nguồn cung khan hiếm.



Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 10/2020 ước đạt 76 nghìn tấn với giá trị đạt 95 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,19 triệu tấn và 1,46 tỷ USD, giảm 16% về khối lượng và giảm 21,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 8 năm 2020 là Bồ Biển Ngà, Campuchia và Gana. Giá giao dịch điều nhân (FOB HCM) tháng 10 giao động ở mức 6.062 đến 6834 USD/tấn đối với mã W320, tùy từng nhà máy, mã W240 ở mức 7.165 đến 7.716 USD/tấn.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động tăng nhẹ trong tháng 10/2020. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước tăng từ 29.000 đ/kg lên 30.000 đ/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giữ nguyên mức 32.000 đ/kg. Hiện tại, nhu cầu thu mua để chế biến từ các cơ sở nhỏ là một trong những nguyên nhân đẩy giá điều thô tăng lên.

Trên thị trường thế giới, hạt điều Ấn Độ không có triển vọng đi xuống, song mùa mưa lại là trở ngại lớn khiến các thương nhân lo ngại sẽ kéo theo xu hướng tiêu cực. Nhu cầu tiêu dùng hạt điều trong mùa lễ hội Diwali mừng năm mới 2021, mùa cưới sẽ là các nhân tố tích cực thúc đẩy tiêu thụ trong thời gian tới. Tại bang Tamil Nadu, Ấn Độ, giá hạt điều ổn định ở mức 8.818 USD/tấn; W-320 ở mức 7.936 USD/tấn; W-450 ở mức 6.944 USD/tấn; S-W320 ở mức 6.393 USD/tấn.

9

Đối với thị trường điều thô, hiện nay điều thô đang được chào giá nhiều hơn do các chủ hàng muốn đẩy lượng tồn kho trước khi điều thô Tanzania vụ mới được bán ra thị trường. Giá điều thô Indonesia giảm nhẹ, tuy nhiên các nhà chế biến vẫn đang đợi giá xuống thấp hơn, vì với giá hiện tại nếu so sánh với giá điều nhân (quy đổi) vẫn rất cao.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong những tháng còn lại của năm 2020 sẽ vẫn tiếp tục tăng, do nhu cầu phục vụ các dịp lễ tết cuối năm của các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc. Mặc dù vậy, vẫn có những yếu tố bất định về nhu cầu tiêu thụ điều nhân chế biến như hạt điều không phải là thực phẩm thiết yếu và rủi ro từ đại dịch Covid-19 tái bùng phát lại ở EU, Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn khác. Sức mua từ thị trường Trung Quốc không quá lớn, còn phía các nhà nhập khẩu từ Mỹ và EU đã trữ đủ hàng tồn kho đến tháng 12/2020, nên mục tiêu mà ngành điều Việt Nam đề ra đạt 450 nghìn tấn và 3,2 tỷ USD đến hết năm 2020 sẽ gặp nhiều khó khăn. (2) Sản lượng hạt điều thô của Bồ biển Ngà đạt mức kỷ lục, vượt 800.000 tấn và có thể vượt mức 900.000 tấn ghi nhận mức tăng kỷ lục từ trước tới nay. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung toàn cầu, nhu cầu mua điều thô từ một số nước như Việt Nam, Ấn Độ giảm khiến xuất khẩu hạt điều của nước này giảm sâu. (3) Nhu cầu tiêu thụ hạt điều có thể tăng cao nhờ lễ hội Diwali của

Án Độ diễn ra vào giữa tháng 11 - thời điểm được nhận định là tốt cho mặt hàng hạt điều.

## 8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 10/2020 ước đạt 200 nghìn tấn với giá trị 266 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,31 triệu tấn và 1,69 tỷ USD, tăng nhẹ 0,8% về khối lượng nhưng giảm 4,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 75,7%, 4,0% và 2,2%. Trong 9 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu cao su giảm ở hầu hết các thị trường, ngoại trừ thị trường Trung Quốc (+10,6%) và thị trường Pakistan (+22,6%). Giá cao su xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1.278,4 USD/tấn, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Ước tính khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 10/2020 đạt 127 nghìn tấn với giá trị 158 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2020 đạt 809 nghìn tấn và 1,05 tỷ USD, tăng 39,8% về lượng và tăng 9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm, Campuchia (chiếm thị phần 21,9%), Hàn Quốc (15,7%), Nhật Bản (11,2%) là ba thị trường cung cấp cao su nhập khẩu chính cho Việt Nam.

10

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) tăng mạnh trong tháng 10/2020, mức cao nhất trong hơn 3 năm do những lo ngại kéo dài về nguồn cung, trong khi đó nhu cầu từ Trung Quốc vẫn lớn có thể gây tình trạng thiếu hụt nguồn cung. Kết thúc phiên giao dịch 21/10, giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 3/2021 đạt 217,4 yên/kg, tăng 31,9 yên (tương đương 17,2%) so với phiên đầu tháng và là mức cao nhất trong hơn 3 năm qua. Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng giảm trái chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 22/10 ở mức 2,25 USD/kg, tăng 0,3 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,61 USD/kg, tăng 0,18 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,62 USD/kg, tăng 0,25 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,62 USD/kg, tăng 0,26 USD/kg so với ngày 5/10. ANRPC dự báo xu hướng giá cao su tăng sẽ còn tiếp diễn trong khoảng 2 tháng tới, chủ yếu do lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc tiếp tục hồi phục, giữa bối cảnh doanh số bán ô tô ở Ấn Độ cũng tăng và Mỹ sẽ tung thêm chương trình kích thích kinh tế mới. Giá cao su tăng trở lại còn do nguồn cung hạn hẹp bởi mùa mưa tại Thái Lan và tình trạng thiếu hụt lao động tại các vùng trồng cao su do các biện pháp phòng dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác mủ cao su.

Ngành ô tô thế giới hồi phục sau đại dịch Covid-19, nhất là ở Trung Quốc. Tháng 9 vừa qua đánh dấu tháng đầu tiên ngành ô tô hồi phục gần như khắp toàn cầu, sau giai đoạn dài sa sút do dịch bệnh. Ngành ô tô Trung Quốc hồi phục sớm nhất, ngay từ mùa Hè, và hiện đã có 3 tháng liên tiếp doanh số bán xe mới tăng trưởng. Tiêu thụ xe chở khách của Trung Quốc tháng 9/2020 tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 1,91 triệu chiếc. Đặc biệt, tiêu thụ ô tô khách của Ấn Độ trong tháng 9/2020 tăng mạnh 31,2% so

với cùng kỳ năm trước, là mức tăng nhiều nhất trong vòng 27 tháng. Tiêu thụ xe hơi ở các thị trường Mỹ, Châu Âu... cũng bắt đầu hồi phục sau giai đoạn giảm mạnh vì chính sách phong tỏa chống Covid-19. Xuất khẩu gang thép của Thái Lan không ngừng tăng mạnh, thêm 154,9% trong tháng 9/2020 so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2020 tăng 61,4%, bởi dịch bệnh làm gia tăng mạnh nhu cầu các sản phẩm y tế.

Mưa lớn ảnh hưởng tới sản xuất cao su của những nước sản xuất chủ chốt, nhất là Thái Lan và Việt Nam. Biểu tình ở Thái Lan cũng ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực sản xuất, trong đó có ngành khai thác cao su. Trong báo cáo mới nhất vừa công bố giữa tháng 10, Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) đã nâng dự báo tiêu thụ cao su toàn cầu năm 2020 thêm 67.000 tấn lên 12,611 triệu tấn, mặc dù con số đó vẫn thấp hơn 8,4% so với năm 2019. Lý do điều chỉnh tăng bởi nhận định lạc quan hơn về thị trường Trung Quốc sau những số liệu kinh tế mới công bố gần đây. Dự báo Trung Quốc sẽ tiêu thụ 1,38 triệu tấn cao su trong quý IV/2020, gần sát mức 1,40 tấn của cùng kỳ năm trước; và tổng khối lượng cao su nhập khẩu vào nước này trong năm 2020 sẽ tăng 1,6% so với năm 2019. Về nguồn cung, sản xuất cao su thiên nhiên năm nay gặp khó khăn do dịch bệnh làm khan hiếm nhân lực lao động và gây khó khăn cho việc vận chuyển. Sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đã giảm 8,7% trong 8 tháng đầu năm 2020, xuống 7,778 triệu tấn, và dự báo sẽ giảm tiếp 3% trong 4 tháng còn lại của năm 2020. ANRPC dự báo sản lượng cả năm 2020 sẽ giảm 6,8% so với năm 2019, xuống 12,901 triệu tấn, chủ yếu do sự sụt giảm ở Thái Lan và Ấn Độ. Sản lượng của Thái Lan dự báo sẽ giảm 332.000 tấn, xuống 4,478 triệu tấn.

Bộ Thương mại Trung Quốc ngày 23/10 thông báo sẽ áp các biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm cao su nhập khẩu từ Mỹ, Hàn Quốc và Liên minh Châu Âu kể từ 28/10/2020, cụ thể là cao su tổng hợp EPDM (ethylene propylene diene monomer (M-class)) – có thể khiến nhu cầu cao su thiên nhiên của nước này tăng lên. Tuy nhiên, các dự báo về nhu cầu có nhiều yếu tố bất trắc liên quan đến quá trình hồi phục kinh tế toàn cầu, vì dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, nhất là ở Mỹ và Châu Âu, gây nguy cơ nhiều quốc gia phải tái phong tỏa để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, giữa bối cảnh vắc-xin ngừa virus SARS-CoV-2 chắc chắn sẽ chưa sớm có mặt trên thị trường với khối lượng lớn.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước trong tháng 10/2020 diễn biến tăng nhẹ so với tháng 9/2020. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước tăng 5 đ/độ lên 275 đ/độ, mủ cao su tăng lên 12.500 đ/kg. Giá mủ tại Đồng Nai tăng lên 10.400 đ/kg

## 9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 10 năm 2020 ước đạt 29 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 256 triệu USD, giảm 21,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 71,09 triệu USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt động vật đạt 63,87 triệu USD,

giảm 47% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 51,25 triệu USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 10 năm 2020 ước đạt 273 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2020 đạt 2,69 tỷ USD, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước tăng 4,6%, đạt 904 triệu USD, giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác ước tăng 45,7%, đạt 1,78 tỷ USD.

Giá lợn nạc giao tháng 10/2020 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 5,775 UScent/lb xuống còn 67,025 UScent/lb. Giá thịt lợn giảm do nhu cầu nhập khẩu thịt của Trung Quốc giảm trong bối cảnh nước này đang tiến hành tái đàn lợn.

Tại thị trường trong nước, trong tháng 10/2020, giá lợn hơi tại các khu vực đều biến động giảm mạnh. Giá lợn hơi tại miền Bắc dao động trong khoảng 60.000 - 66.000 đ/kg, giảm 18.000 đ/kg so với tháng trước. Trong đó, giá lợn hơi tại Hưng Yên, Nam Định, Phú Thọ và Hà Nội hiện đang thu mua trong khoảng 65.000 - 66.000 đ/kg. Còn tại Thái Bình, giá lợn hơi là 63.000 đ/kg.

Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên, giá thu mua lợn hơi hiện dao động trong khoảng 64.000 - 72.000 đồng/kg, giảm 10.000 – 15.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, giá tại Quảng Trị và Lâm Đồng ghi nhận ở mức 70.000 - 71.000 đ/kg. Trong khi đó, tại Bình Định giá lợn hơi được thu mua ở mức 70.000 đ/kg. Tại Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế và Đắk Lắk, mức giá thu mua cùng đạt 71.000 đ/kg. Còn ở Quảng Bình, Quảng Nam, Khánh Hòa và Ninh Thuận, giá lợn hơi đạt 72.000 đ/kg.

Tại miền Nam, giá lợn hơi được giao dịch trong khoảng 69.000 - 77.000 đ/kg, giảm 5.000 – 10.000 đ/kg so với tháng trước. Tại Cần Thơ và Long An, lợn hơi đang giao dịch ở mức 76.000 - 77.000 đ/kg. Trong khi đó tại Bạc Liêu, giá ở ngưỡng 74.000 đ/kg, ngang bằng với tỉnh Bến Tre. Các địa phương còn lại như Bình Phước, TP. HCM, Bình Dương, Tây Ninh, Vũng Tàu, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang hiện thu mua lợn hơi ở ngưỡng từ 72.000 - 74.000 đồng/kg.

Trong khi đó, thị trường các sản phẩm gia cầm có những biến động trái chiều trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc ổn định ở mức 42.000 – 45.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung giữ mức 32.000 – 34.000 đ/kg. Trong khi đó, giá gà thịt lông màu khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 3.000 đ/kg xuống còn 24.000 – 28.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 6.000 đ/kg xuống 21.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung giảm 4.000 đ/kg, hiện ở mức 16.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông Nam Bộ giảm 2.000 đ/kg xuống mức 18.000 đ/kg. Giá gà giảm do tổng đàn gia cầm tăng cao hơn so với cùng kỳ, nguồn cung dồi dào trong khi sức mua chậm.

Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung giảm 50 - 100 đ/quả xuống còn 1.600 – 1.800 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 50 - 100 đ/quả, hiện ở mức 1.350 – 1.450 đ/quả.

## 10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 10/2020 ước đạt 840 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2020 đạt gần 6,88 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Bốn thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020, chiếm 59,7% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản, lần lượt là Hoa Kỳ (1,17 tỷ USD, tăng 8,5%); Nhật Bản (1,03 tỷ USD, giảm 3,2%); Trung Quốc (837,52 triệu USD, tăng 0,1%) và Hàn Quốc (558,43 triệu USD, giảm 1,2%). Một số thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2020: Thụy Sĩ tăng 62,5%, đạt 29,05 triệu USD; Campuchia tăng 37,4%, đạt 42,41 triệu USD; Romania tăng 28,9%, đạt 6,19 triệu USD; Anh tăng 22,9%, đạt 258,06 triệu USD. Ngược lại, một số thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản giảm mạnh là I-rắc giảm 72,58%, đạt 2,94 triệu USD; Ấn Độ giảm 66, 69%, đạt 6,57 triệu USD; Algeria giảm 53,18%, đạt 3,15 triệu USD; CH Séc giảm 46,52%, đạt 1,56 triệu USD.

13

Bên cạnh đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 10/2020 ước đạt 137 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2020 đạt gần 1,44 tỷ USD, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2020 chủ yếu từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 14,4%), Na Uy (11,4%), Nhật Bản (9,4%).

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 8/2020 tại Mỹ là 2,72 USD/kg, tăng 1,11% so với tháng 7/2020 và thấp hơn 21,6% so với cùng tháng năm 2019. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 8/2020 đạt 8,51 USD/kg, tăng 1,3% so với tháng 7/2020 và tăng 1,2% so với cùng tháng năm 2019.

Tại thị trường trong nước, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng 10/2020 có sự phục hồi khá mạnh, dao động quanh mức 21.000-22.000 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con), tăng khoảng 4.000 đ/kg so với tháng trước. Thị trường cá tra sôi động hơn khi các nhà máy gia công thực hiện nhiều hợp đồng bắt cá ngoài, trong khi nguồn cung không còn nhiều. Nhu cầu nhập khẩu cá tra ở những thị trường lớn đang có dấu hiệu phục hồi trở lại sau một thời gian dài trầm lắng.

Giá tôm nguyên liệu tại vùng ĐBSCL tiếp tục vững trong tháng qua. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20, 30, con/kg tăng 10.000 đ/kg so với tháng 9 lên tương ứng 200.000 đ/kg và 170.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg ổn định 140.000 đ/kg. Giá tôm thẻ cỡ lớn 20 con/kg tăng 5.000 đạt mức 178.000 đ/kg, cỡ 30 con tăng 5.000 đ/kg 125.00 đ/kg; cỡ nhỏ 60 con/kg hiện chừng giá 100.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg 95.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg 74.000 đ/kg. Dịch Covid-19 ảnh hưởng mạnh đến ngành tôm khi hoạt động kinh doanh



dịch vụ ẩm thực giảm 80-90%. Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm, thị trường tôm có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn chậm.

**Một số nhận định và dự báo:** (1) Theo dự báo của VASEP, giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam Quý IV/2020 sẽ đạt khoảng 2,3 tỷ USD, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó tôm tăng 9% đạt 1,1 tỷ USD, cá tra giảm 31% đạt 365 triệu USD, các mặt hàng hải sản đạt khoảng 854 triệu USD, tăng 7,5% với cùng kỳ năm 2019. Với dự báo này, xuất khẩu thủy sản năm 2020 đạt 8,23 tỷ USD, giảm 4% so với năm 2019, trong đó tôm ước đạt gần 3,7 tỷ USD, cá tra đạt khoảng 1,4 tỷ USD, trong khi xuất khẩu hải sản đạt hơn 3,1 tỷ USD, giảm 3%. (2) Xuất khẩu cá tra: trong tháng 9/2020 xuất khẩu cá tra tới Mỹ, Anh, Brazil tiếp tục tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2019. Đáng chú ý nhất là xuất khẩu cá tra tới Trung Quốc đã tăng 5,4% về lượng so với cùng kỳ năm 2019. Đây là tín hiệu tốt cho kỳ vọng hoạt động xuất khẩu cá tra sẽ phục hồi trong thời gian tới, khi Trung Quốc đang là thị trường tiêu thụ cá tra lớn nhất của Việt Nam, chiếm 42,3% tổng lượng cá tra xuất khẩu trong tháng 9/2020 của cả nước. Đối với các thị trường lớn có tính ổn định cao như Mỹ và EU trong những tháng cuối năm 2020, nhu cầu nhập khẩu cá tra sẽ tăng trở lại, các thị trường tiềm năng như Anh và Nga cũng sẽ tăng. Ngoài ra nhóm thị trường lớn như Trung Quốc, ASEAN và Nam Mỹ cũng sẽ có nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này vào giai đoạn cuối năm 2020 tăng. (3) Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc đang có kết quả phục hồi mạnh trong hai tháng gần đây. Các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam xuất khẩu tới Trung Quốc cũng đang tăng trở lại do nhu cầu tiêu dùng ở thị trường này tăng trở lại. Trong những tháng cuối năm 2020 các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam nên đẩy mạnh xuất khẩu hơn nữa thủy sản tới Trung Quốc tập trung ở những mặt hàng đang có nhu cầu cao là: Cá com khô, tôm hùm sống, tôm đông lạnh, cá tra và chả cá.

## 11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (Gỗ & SP gỗ) của Việt Nam tháng 10/2020 ước đạt 1,15 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng này 10 tháng đầu năm 2020 đạt 9,64 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục là 03 thị trường nhập khẩu Gỗ & SP gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020 - chiếm 77,7% tổng giá trị xuất khẩu Gỗ & SP gỗ. Trong 9 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh thêm tại một số thị trường tiềm năng như Canada (tăng 18,2 triệu USD, tương đương tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước), Thái Lan (tăng 6,7 triệu USD tương đương tăng 23,8% so với cùng kỳ năm trước). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu Gỗ & SP gỗ giảm mạnh là: thị trường Anh (giảm gần 75 triệu USD, tương đương giảm 31,7% so với cùng kỳ năm trước), thị trường Nhật Bản (giảm 21,3 triệu USD, tương đương giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước), thị trường Pháp (giảm 13,1 triệu USD, tương đương giảm 14,5% so với cùng kỳ năm trước).

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ tháng 10/2020 duy trì kim ngạch xuất khẩu ấn tượng (xu hướng tăng qua các tháng và giá trị xuất khẩu luôn đạt trên 1 tỷ USD/tháng trong 4 tháng liên tiếp). Thị trường nội địa về các sản phẩm gỗ của các nước tăng (trong bối cảnh dịch bệnh COVID, tỷ lệ người làm việc ở nhà tăng dẫn đến nhu cầu về đồ nội thất, dụng cụ văn phòng tăng, ngoài ra thị trường nhà ở, xây dựng vẫn phát triển bất chấp tình hình dịch bệnh). Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu tháng 10/2020 đạt 249 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2020 đạt 2,01 tỷ USD, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2020, 31,5% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ thị trường Trung Quốc, 13,1% từ thị trường Hoa Kỳ và 4,7% từ thị trường Thái Lan.

Những tháng cuối năm 2020 gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào các vùng thị trường tiếp tục có những cơ hội để tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng: Thị trường nhà ở, căn hộ vẫn tiếp tục phát triển<sup>1</sup>; Chỉ số tâm lý người tiêu dùng đạt mức cao nhất từ tháng 3/2020<sup>2</sup>; Nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất, tủ bếp tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm<sup>3</sup>. Ngoài ra, thị trường EU về gỗ và sản phẩm từ gỗ có xu hướng phục hồi từ tháng 8/2020 cũng mang đến những tín hiệu tích cực cho ngành hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam những tháng cuối năm.

15

Để đạt được các mục tiêu xuất khẩu năm 2020 và hướng đến phát triển bền vững ngành hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ, các tác nhân trong ngành cần chủ động, tích cực phòng ngừa kiểm soát các rủi ro về nguồn gốc nguyên liệu gỗ theo các Quy định trong Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định đảm bảo hệ thống gỗ hợp pháp Việt Nam, bên cạnh đó cùng với phát triển vùng nguyên liệu trong nước, cần tận dụng tốt những cơ hội do các hiệp định thương mại như EVFTA mang lại (giảm thuế, thủ tục xuất nhập khẩu thông thoáng...) để gia tăng tiếp cận, sử dụng nguồn gỗ nguyên liệu từ Châu Âu, các nước có chất lượng gỗ tốt, nguồn gốc rõ ràng./.

<sup>1</sup> <https://www.nar.realtor/newsroom/existing-home-sales-hithighest-level-since-december-2006>

<sup>2</sup> <http://www.sca.isr.umich.edu/>

<sup>3</sup> <https://www.kcma.org/news/press-releases/august-2020-trend-of-business>

## MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản liên quan đến chính sách thuế

Trên cơ sở công văn của Bộ Tài chính đối với ý kiến về 3 hoạt động: Chế biến từ sản phẩm tươi sống đã qua đông lạnh đến – 18độC; Chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín; Chế biến từ nguyên liệu có pha trộn gia vị phụ liệu để ra hàng GTGT, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp) đã căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (ngày 6/7/2018) để viện dẫn các hoạt động kể trên đều là hoạt động chế biến thủy sản và được phân nhóm ngành 102 – 1020 “chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản”.

Trước đó, Bộ Nông nghiệp đã nhận được phản ánh từ Hiệp hội VASEP và các doanh nghiệp là hội viên của Hội về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cho ngành chế biến thủy sản liên quan đến các quy định và thực thi các Thông tư: số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015; số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và các vướng mắc về chính sách thuế TNDN đối với hoạt động chế biến thủy sản, theo đó hầu hết các mặt hàng thủy sản “chế biến” xuất khẩu bị áp sang hàng “sơ chế” khiến doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Liên quan đến vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã có ý kiến đồng thuận với Bộ Nông nghiệp trong việc xem xét các căn cứ dựa trên Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg nói trên<sup>4</sup>.

2. Theo thông tin từ Vụ Thị trường Châu Á – Châu Phi (Bộ Công Thương), tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (chung đường biên giới với các tỉnh Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu và Hà Giang) thông báo áp dụng một số biện pháp tăng cường phòng chống dịch Covid-19 trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa khi bước vào thời điểm chuyển mùa tại các cửa khẩu trên địa bàn của tỉnh Vân Nam, cụ thể như sau:

- Các phương tiện chuyên chở hàng hóa và người điều khiển phương tiện phải đăng ký với cơ quan chức năng trước 03 ngày;
- Người điều khiển phương tiện xuất nhập cảnh phải xét nghiệm axit nucleic 3 ngày một lần;
- Kéo dài thời gian thông quan hàng hóa (căn cứ vào số lượng hàng hóa tại cửa khẩu).

Trước mắt, biện pháp trên sẽ được áp dụng cho các phương tiện, người điều khiển phương tiện và hàng hóa của Trung Quốc.

<sup>4</sup> <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/thuong-mai-thuy-san/xuat-nhap-khau/doc-tin/015124/2020-11-02/thao-go-kho-khan-cho-cac-doanh-nghiep-xuat-khau-thuy-san-lien-quan-den-chinh-sach-thue>

Tuy nhiên, không loại trừ khả năng phía Trung Quốc cũng có thể đề nghị Việt Nam áp dụng các biện pháp tương tự trên trong thời gian tới. Đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp nắm bắt thông tin để chủ động điều chỉnh hoạt động thương mại của mình<sup>5</sup>.

3. Ngày 13/10/2020, thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và Thụy Điển cho biết Ủy ban Châu Âu đã khai trương cổng Access2Markets để hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp vừa và nhỏ Châu Âu, tại <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content>

Cổng thông tin cho phép các doanh nghiệp tra cứu các thông tin sau về thuế; quy tắc xuất xứ; yêu cầu sản phẩm; thủ tục hải quan; rào cản thương mại; thống kê thương mại.

Các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng tra cứu thông tin về xuất nhập khẩu hàng hoá, khai thác các thông tin về nội dung giải thích, hướng dẫn, các câu hỏi thường gặp, luật của EU về sản phẩm, dịch vụ, chi tiết liên hệ của các cơ quan hải quan...

4. Thương vụ Việt Nam tại Úc vừa ra mắt ứng dụng hỗ trợ doanh nghiệp giao thương xuất khẩu, quảng bá địa phương Việt Nam, kết nối doanh nghiệp thuộc các hiệp hội ngành hàng... Ứng dụng có tên Viet-Aus Trade được tải miễn phí tại các kho trực tuyến (App store, Google play).

Ứng dụng được xây dựng theo hướng tích hợp sẵn dữ liệu và mở rộng liên kết nhằm tạo thành một nền tảng đa mục tiêu, góp phần hiện thực hoá Chiến lược hợp tác kinh tế tăng cường giữa hai nước.

Cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư hai nước có thể tìm thấy các chức năng sau :

(1) Kết nối, giới thiệu địa phương: sản phẩm, danh sách dự án kêu gọi đầu tư, cảnh đẹp, tiềm năng du lịch. Ứng dụng cũng kết nối đến các cổng thông tin tiếng Anh của từng địa phương để quý địa phương chủ động thông tin.

(2) Tìm Doanh nghiệp nhập khẩu Úc theo sản phẩm.

(3) Tìm Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam theo sản phẩm.

(4) Bản tin kinh tế phục vụ đối ngoại về sự ổn định, phát triển của nền kinh tế Việt Nam; thúc đẩy niềm tin của thị trường, nhà đầu tư.

(5) Chợ giao thương B2B theo ngành hàng (phiên bản cơ bản, phiên bản tối ưu đang xây dựng). Doanh nghiệp đăng nhập đăng thông tin, hình ảnh về sản phẩm để giao thương với doanh nghiệp Úc; và Danh sách các doanh nghiệp Úc cần mua sản phẩm Việt Nam

<sup>5</sup> <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/mot-so-luu-y-trong-hoat-%C4%91ong-xuat-nhap-khau-voi-tinh-van-nam-trung-quoc--20718-22.html>

(6) Tra cứu, so sánh thuế theo Hiệp định Thương mại tự do khi xuất vào Úc để tận dụng tốt các cơ hội; tra cứu thị phần của từng loại sản phẩm Việt Nam tại Úc (liên kết).

(7) Tra cứu điều kiện nhập khẩu vào Úc để doanh nghiệp tuân thủ quy định của Úc, đẩy mạnh xuất khẩu (liên kết).

(8) Chức năng triển lãm online sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp không có điều kiện tham gia triển lãm ở nước ngoài; được tổ chức song song với các cuộc triển lãm quốc tế lớn tại Úc, Việt Nam, hoặc các sự kiện chuyên đề để thu hút khách hàng.

(9) Chức năng giải đáp (chatbot) sẽ hỗ trợ giải đáp công tác thị trường, và tự động giới thiệu doanh nghiệp nhập khẩu, nhà đầu tư của Úc đến danh sách hội viên của Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội ngành hàng, địa phương (Phiên bản hạn chế; phiên bản thông minh đang hoàn thiện dữ liệu)./.